ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 45 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 09 tháng 02 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng mùa cạn năm 2026

Thực hiện Quyết định số 240/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng mùa cạn năm 2026. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng mùa cạn năm 2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá hiện trạng và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước trên địa bàn tỉnh trong mùa cạn năm 2026 theo Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng.

- Xây dựng phương án khai thác, điều hòa, phân phối nguồn nước phù hợp với diễn biến nguồn nước mùa cạn năm 2026, trong đó ưu tiên cho cấp nước sinh hoạt và sản xuất thiết yếu phù hợp với thực trạng nguồn nước của tỉnh và Kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố tại Quyết định số 240/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026.

- Đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tối đa rủi ro thiếu nước; chủ động phương án ứng phó, đảm bảo thứ tự ưu tiên sử dụng nguồn nước cấp cho sinh hoạt, các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2. Yêu cầu

Các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chủ động tổ chức thực hiện Kế hoạch khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông Bằng Giang – Kỳ Cùng năm 2026 theo nhiệm vụ, thẩm quyền được giao. Chủ trì, phối hợp trong việc tham mưu điều hòa, phân phối nguồn nước phù hợp với thực trạng nguồn nước, đáp ứng nhu cầu khai thác, phục vụ cấp nước sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn tỉnh.

II. HIỆN TRẠNG NGUỒN NƯỚC VÀ CÁC CÔNG TRÌNH KHAI THÁC

1. Hiện trạng nguồn nước mưa, nước mặt

Tổng lượng mưa (TLM) từ tháng 6-12/2025 trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng phổ biến cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN). Các tháng 6,

7, 11 và tháng 12/2025 cục bộ tại một số nơi có TLM thấp hơn so với TBNN. Các tháng 9, 10/2025, TLM phổ biến cao hơn TBNN từ 1,5 đến 3,5 lần, riêng tại trạm Đình Lập (Lạng Sơn) có TLM tháng 10 cao hơn 4 lần so với TBNN cùng thời kỳ.

Dòng chảy trung bình từ tháng 6-12/2025 trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng phổ biến ở mức cao hơn trung bình thời kỳ (TBTK) và có sự dao động giữa các tháng, cụ thể đối với các tiểu lưu vực sông như sau:

- Tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng: dòng chảy trung bình từ tháng 6-12/2025 cao hơn TBTK khoảng 1,9 lần, riêng tháng 8/2025 cao hơn TBTK khoảng 27%, tháng 10/2025 cao hơn TBTK khoảng 2,8 lần.

- Tiểu lưu vực sông Bắc Giang và Bắc Khê: dòng chảy trung bình từ tháng 6-12/2025 cao hơn TBTK khoảng 1,3 lần, riêng các tháng 8, 9 cao hơn TBTK khoảng 4%, tháng 10/2025 cao hơn TBTK khoảng 4,9 lần.

2. Hiện trạng nguồn nước dưới đất

- Trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng có các tầng chứa nước (TCN) lỗ hổng trong trầm tích bở rời hệ Đệ tứ không phân chia (q), chủ yếu ở tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn với diện tích khoảng 58km^2; các tầng chứa nước khe nứt và karst trong trầm tích carbonat phân bố rộng với diện tích khoảng 10.731 km^2, có khả năng chứa nước tốt và đang được khai thác chủ yếu tại tiểu vùng lưu vực sông Kỳ Cùng (khoảng 78%).

Tổng trữ lượng nước dưới đất có thể khai thác trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng khoảng 1,13 tỷ m^3/năm (tiểu lưu vực sông Bằng Giang: 0,45 tỷ m^3/năm, tiểu lưu vực sông Bắc Khê: 0,03 tỷ m^3/năm, tiểu lưu vực sông Bắc Giang: 0,28 tỷ m^3/năm và tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng: 0,37 tỷ m^3/năm). Hiện đang khai thác khoảng 0,015 tỷ m^3/năm (chiếm 1,3%), tập trung chủ yếu tại tiểu lưu vực sông Kỳ Cùng.

3. Hệ thống công trình thủy lợi

Theo thống kê tổng hợp, tính đến nay trên địa bàn toàn tỉnh có 2.808 công trình thủy lợi (160 hồ chứa, 1.481 phai, đập dâng các loại, 163 trạm bơm, 1.004 công trình tạm). Các công trình thủy lợi phục vụ tưới được trên 50.000 ha lúa 2 vụ (trong đó tưới cho lúa xuân trên 15.000 ha, lúa mùa trên 27.000 ha và hoa màu, cây ăn quả, cây lâu năm...: 11.730 ha), từng bước đáp ứng đa mục tiêu cho phát triển kinh tế: tưới cho lúa, màu, cây ăn quả, cây công nghiệp; cấp nước cho nuôi trồng thủy sản (trên 50ha); cấp nước cho sinh hoạt (768.000 m^3/năm) và sản xuất công nghiệp (2,46 triệu m^3/năm). Hệ thống công trình thủy lợi đã góp phần quan trọng phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế, xã hội và phòng chống thiên tai.

4. Hệ thống công trình thủy điện

Trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng thuộc địa bàn tỉnh Lạng Sơn có 06 nhà máy thuỷ điện đã đi vào hoạt động với tổng công suất 50,4MW, trong đó có 06 công trình hồ chứa có dung tích từ 1 triệu m^3 trở lên; (1) Nhà máy thuỷ điện

Bắc Khê 1 (công suất 2,4 MW), dung tích 4,774 triệu m^3, đi vào hoạt động phát điện thương mại từ tháng 7/2016, sản lượng phát điện bình quân khoảng 9,8 triệu KWh; (2) Nhà máy thủy điện Thác Xăng (công suất 20 MW), dung tích 43,89 triệu m^3, đi vào hoạt động phát điện thương mại từ tháng 01/2017, Sản lượng điện hằng năm bình quân khoảng 90,55 triệu KWh; (3) Nhà máy thủy điện Khánh Khê (công suất 7,0MW), dung tích 5,54 triệu m^3, dự án hoàn thành và phát điện vào tháng 12/2020, sản lượng phát điện bình quân một năm khoảng 28,66 triệu KWh; (4) Nhà máy thủy điện Bản Nhùng (công suất 13MW), dung tích 11,867 triệu m^3, dự án hoàn thành và phát điện vào tháng 3/2024, sản lượng phát điện bình quân một năm khoảng 43,99 triệu KWh; (5) Nhà máy thủy điện Bản Lải (công suất 7,0MW), dung tích 155,89 triệu m^3, Dự án Nhà máy thủy điện Bản Lải là hợp phần thuộc Dự án hồ chứa nước Bản Lải, tỉnh Lạng Sơn, dự án hoàn thành và phát điện vào tháng 9/2023, sản lượng phát điện bình quân một năm khoảng 21,75 triệu KWh; (6) Nhà máy thủy điện Bản Quyền (công suất 1,0 MW), dung tích 1,7 triệu m^3, đã hoàn thành đưa vào vận hành phát điện từ tháng 10/2013, đây là dự án thủy điện kết hợp thủy lợi trên cơ sở đập dâng bê tông trọng lực được xây dựng từ năm 1960, khi thực hiện dự án chỉ cải tạo lại phần phát điện đã có từ trước nên không phát sinh việc đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, hằng năm nhà máy phát lên lưới điện bình quân khoảng 2,5 triệu KWh.

Trong năm 2025, về cơ bản, nguồn nước trên lưu vực đều đáp ứng cho nhu cầu phát điện theo thiết kế. Riêng công trình thủy điện Bắc Khê 1 tạm ngừng hoạt động do ảnh hưởng của bão số 11 (MATMO) ngày 07/10/2025.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VÀ NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC

1. Kế hoạch sản xuất và nhu cầu khai thác, sử dụng nước của công trình cấp cho sinh hoạt

1.1. Hiện trạng nhu cầu khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt

a) Cấp nước đô thị

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, có 34 trạm cấp nước, tổng công suất thiết kế 57.252 m^3/ngày đêm. Trên lưu vực sông Bằng Giang - Kỳ Cùng có 11 công trình khai thác nước mặt và 13 công trình khai thác nước dưới đất cấp cho sinh hoạt, với công suất thiết 54.091 m^3/ngày đêm.

b) Cấp nước sạch nông thôn: theo số liệu Bộ chỉ số Theo dõi - Đánh giá nước sạch nông thôn tỉnh Lạng Sơn năm 2024, tổng số công trình cấp nước tập trung hiện có 377 công trình, trong đó: công trình hoạt động bền vững: 41 công trình, chiếm 11%; tương đối bền vững: 159 công trình, chiếm 42%; kém bền vững: 156 công trình, chiếm 41%; không hoạt động: 21 công trình, chiếm 6%. Các công trình đa số đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước của người dân, một số công trình đã xây dựng lâu, chưa tổ chức thu tiền nước, chưa có kinh phí duy tu bảo dưỡng công trình dẫn tới hư hỏng, không còn hoạt động.

1.2. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt

- Quản lý, vận hành, khai thác các trạm cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu sử dụng nước của cơ quan, tổ chức và người dân; không để xảy ra tình trạng thiếu nước dài ngày;

- Thực hiện các giải pháp điều tiết hài hòa các nguồn nước, ưu tiên tìm kiếm các nguồn nước để cấp bổ sung cho các vùng thiếu nước cấp cho sinh hoạt;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các trạm cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đảm bảo vận hành thường xuyên, liên lục, không bị gián đoạn hoặc rò rỉ, thất thoát, lãng phí nước;

- Tuyên truyền, vận động cơ quan, tổ chức và người dân sử dụng tiết kiệm nước, có biện pháp chủ động tích trữ nước;

- Ưu tiên xây dựng các công trình điều tiết, tích trữ nước ở vùng khan hiếm nước, khó khăn nguồn nước trên địa bàn tỉnh, cụ thể: một số khu vực thuộc các xã Hoàng Văn Thụ, Na Sầm, Văn Lãng, Hồng Phong, Tân Văn, Tri Lễ, Bằng Mạc, Yên Phúc, Na Dương, Lộc Bình;

- Tổ chức sử dụng hiệu quả 09 lỗ khoan thuộc các tiểu lưu vực sông Bắc Khê, Kỳ Cùng. Bắc Giang; đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tại các vùng đã có kết quả điều tra nguồn nước giếng khoan đảm bảo về trữ lượng, chất lượng nước nhằm khai thác bền vững lâu dài, kịp thời cấp nước sinh hoạt cho nhân dân.

2. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp

- Chủ động xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng nước trên từng địa bàn, chỉ đạo kiểm tra, theo dõi mực nước của các công trình thuỷ lợi, tăng cường theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình khô hạn trong mùa khô năm 2026, kịp thời triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại cho sản xuất;

- Tổ chức nạo vét, phát dọn kênh mương, khơi thông cống rãnh, dòng chảy, khắc phục ngay các hư hỏng, rò rỉ để chống thất thoát nước; áp dụng các biện pháp giữ nước, tích nước để nâng cao năng lực tích nước của đầu mối;

- Có kế hoạch điều tiết nước các công trình thủy lợi, nhằm đảm bảo nước tưới ổn định và tích trữ nguồn nước để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp;

- Tuyên truyền, vận động người dân sử dụng tiết kiệm nước, thực hiện lấy nước theo đợt theo thông báo của đơn vị khai thác, cung cấp; hướng dẫn người dân sử dụng các loại giống có khả năng chống chịu hạn cao, thời gian sinh trưởng ngắn và cho năng suất cao;

- Khai thác hiệu quả nguồn nước các hồ chứa: Nà Tâm, Thâm Sỉnh, Bó Diêm, Rọ Hoạt, Kéo Páng, Tà Keo, Nà Cáy.

3. Kế hoạch khai thác, sử dụng nước phục vụ sản xuất điện

- Quản lý, vận hành, khai thác có hiệu quả các hồ chứa thủy điện trên địa bàn tỉnh đảm bảo cung cấp nước để phát điện, đảm bảo an ninh năng lượng, nguồn nước;

- Thực hiện nghiêm quy trình vận hành hồ chứa thủy điện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, các thủy điện có giải pháp cắt giảm sản lượng, ưu tiên cấp bổ sung nước cho sinh hoạt, sản xuất.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì theo dõi diễn biến nguồn nước, điều hòa phân phối nguồn nước; tham mưu các biện pháp ứng phó hạn hán;

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định về tài nguyên nước và thủy lợi trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;

- Hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, tham mưu cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép thăm dò nước dưới đất; đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Rà soát hiện trạng các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, đánh giá hiệu quả lấy nước của các công trình thủy lợi; tăng cường sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi có hiệu quả lấy nước kém, có biện pháp bổ sung nguồn nước dự phòng để chủ động bổ sung lượng nước trường hợp nguồn nước khó khăn;

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 89-KH/TU ngày 28/12/2022 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Sở Công Thương

- Phối hợp xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo nhu cầu sử dụng nước bình thường của ngành, lĩnh vực; kế hoạch được lập trên nguyên tắc tiết kiệm nước, tránh thất thoát, lãng phí, dự phòng nguy cơ xảy ra hạn hán thiếu nước trong các tháng cuối mùa cạn;

- Chỉ đạo việc tính toán, đề xuất vận hành linh hoạt các hồ chứa thủy điện; rà soát, điều chỉnh cơ cấu nguồn điện cho phù hợp với kịch bản nguồn nước được công bố;

- Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Đôn đốc các chủ đầu tư rà soát, lập, trình phê duyệt điều chỉnh các quy trình vận hành hồ chứa thủy điện nhằm bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, chống thất thoát, lãng phí nước, trường hợp xảy ra hạn hán, thiếu nước ưu tiên sử dụng nguồn nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất của nhân dân;

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, chủ các dự án thủy điện trong việc điều tiết hồ chứa công trình thủy điện trong trường hợp thiếu nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp. Tổ chức kiểm tra theo thẩm

quyền việc tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, các dự án, công trình thủy điện trên địa bàn; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

3. Sở Xây dựng

- Chủ động lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo nhu cầu sử dụng nước bình thường của ngành, lĩnh vực; kế hoạch được lập trên nguyên tắc tiết kiệm nước, tránh thất thoát, lãng phí, dự phòng nguy cơ xảy ra hạn hán thiếu nước trong các tháng cuối mùa cạn;

- Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành các nhà máy nước rà soát, nâng cao năng lực, hiệu quả lấy nước phù hợp với điều kiện nguồn nước trên các lưu vực sông và theo kịch bản nguồn nước được công bố;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung về cấp nước trong quy hoạch có liên quan đến cấp nước sinh hoạt cho đô thị, nông thôn (có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới đơn vị hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên) đảm bảo ổn định, an toàn nguồn nước cấp.

4. Ủy ban nhân dân các phường, xã

- Chủ động triển khai kế hoạch chống hạn trên địa bàn xã; chỉ đạo rà soát, cải tạo hệ thống thủy lợi, nâng cao khả năng lấy nước của các cống, trạm bơm;

- Chỉ đạo tổ chức vận hành hiệu quả các công trình thủy lợi để lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, hạn chế tối đa nhu cầu lấy nước phát sinh ngoài các đợt lấy nước tập trung;

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai nước của tổ chức, cá nhân trên địa bàn;

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước, thực hiện các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung về cấp nước trong quy hoạch có liên quan đến cấp nước sinh hoạt cho đô thị, nông thôn (có phạm vi quy hoạch thuộc địa giới đơn vị hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã) đảm bảo ổn định, an toàn nguồn nước cấp.

5. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn

- Kiểm tra, tu sửa công trình đầu mối, tuyến kênh mương của các công trình đang hoạt động, đặc biệt các công trình đã xuống cấp nhằm giảm rò rỉ, thất thoát nước;

- Tổ chức nạo vét, phát dọn kênh mương, khơi thông dòng chảy, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và chuẩn bị máy bơm dự phòng phục vụ chống hạn;

- Lập kế hoạch điều tiết nước của công trình thủy lợi, nhằm đảm bảo nước tưới ổn định và tích trữ cho giai đoạn thiếu nước; đề xuất giải pháp bổ sung nguồn nước khi xảy ra hạn hán.

6. Công ty cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn

- Thường xuyên kiểm tra, duy trì hoạt động của các nhà máy, trạm cấp nước, mạng lưới cấp nước sinh hoạt, đảm bảo khai thác nước hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí tài nguyên nước;

- Chủ động đề xuất nguồn nước bổ sung, thay thế trong trường hợp trạm cấp nước thiếu nguồn nước cấp.

7. Chủ các dự án thủy điện

- Vận hành công trình thủy điện theo đúng quy trình vận hành hồ chứa, quy trình vận hành liên hồ chứa đã được thẩm định, phê duyệt;

- Tuân thủ quy định của giấy phép khai thác tài nguyên nước, nhất là duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định; trường hợp xảy ra tình trạng hạn hán, thiếu nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất thực hiện xả bổ sung lượng nước để cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền;

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NNMT, CT, XD;
- Công ty TNHH MTV KT CCTL Lạng Sơn;
- Công ty CP cấp thoát nước Lạng Sơn;
- Chủ các dự án thủy điện;
- UBND các phường, xã;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu VT, KTCN(HĐN).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Đinh Hữu Học